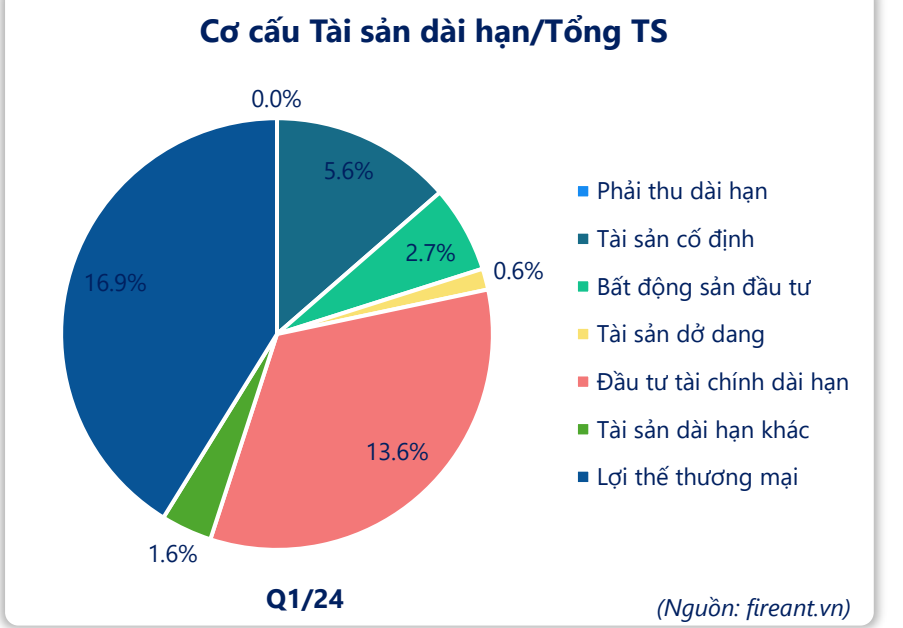
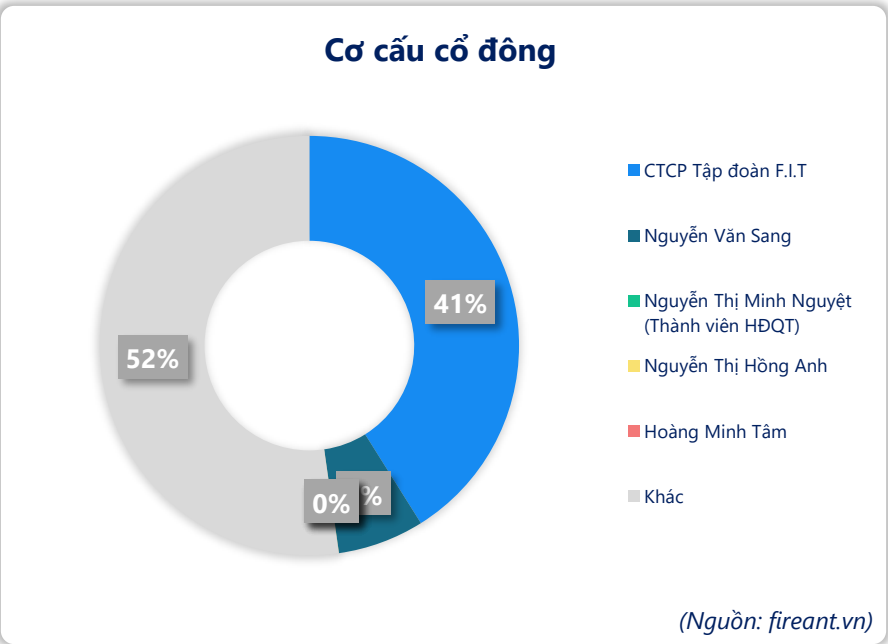
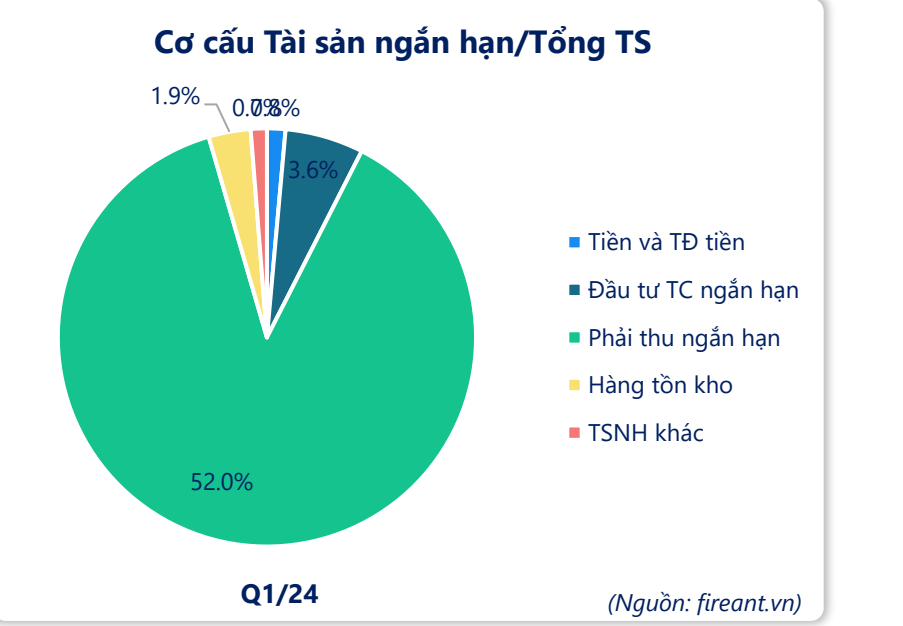
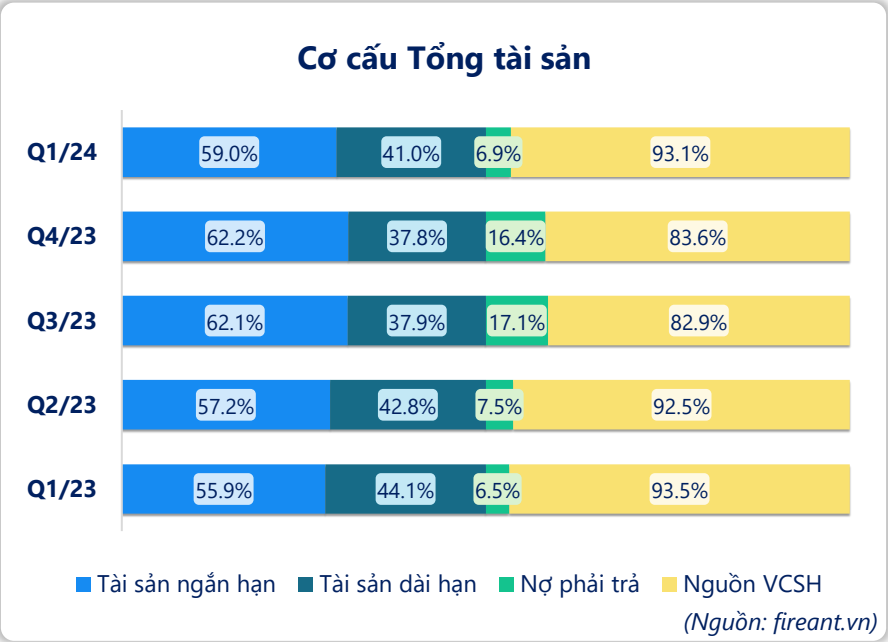
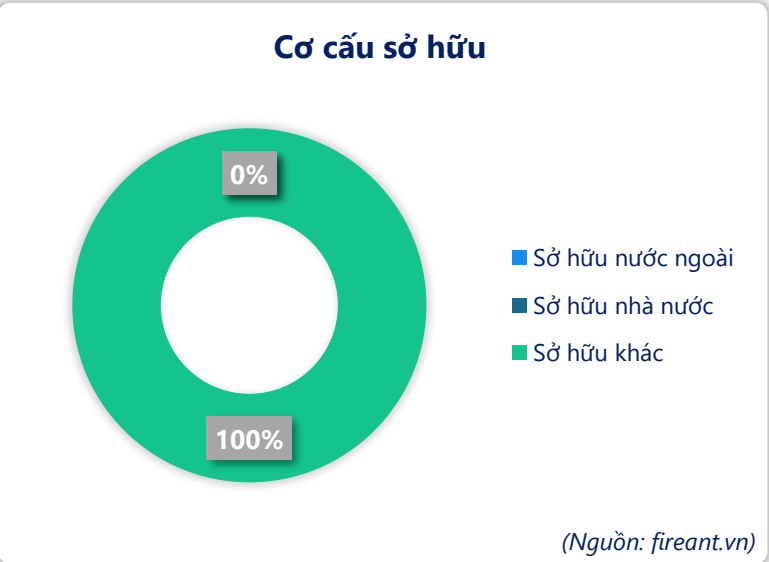
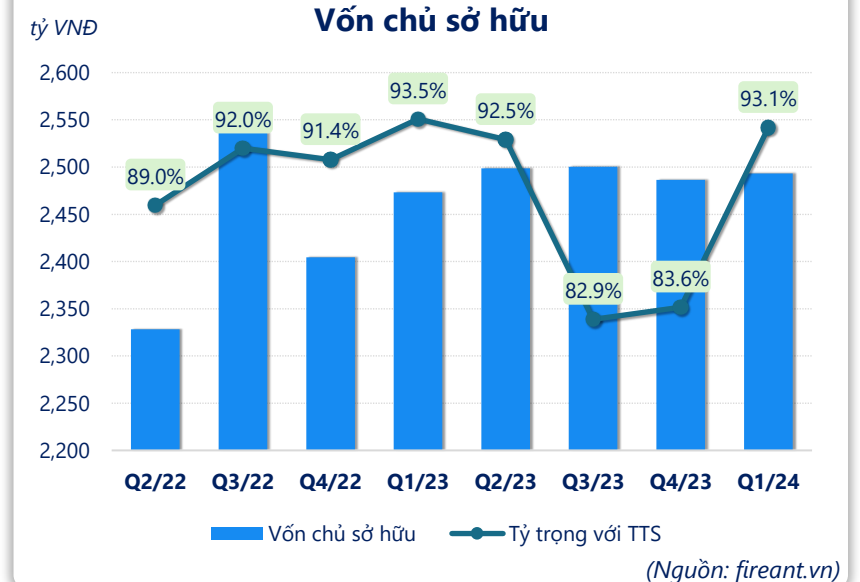
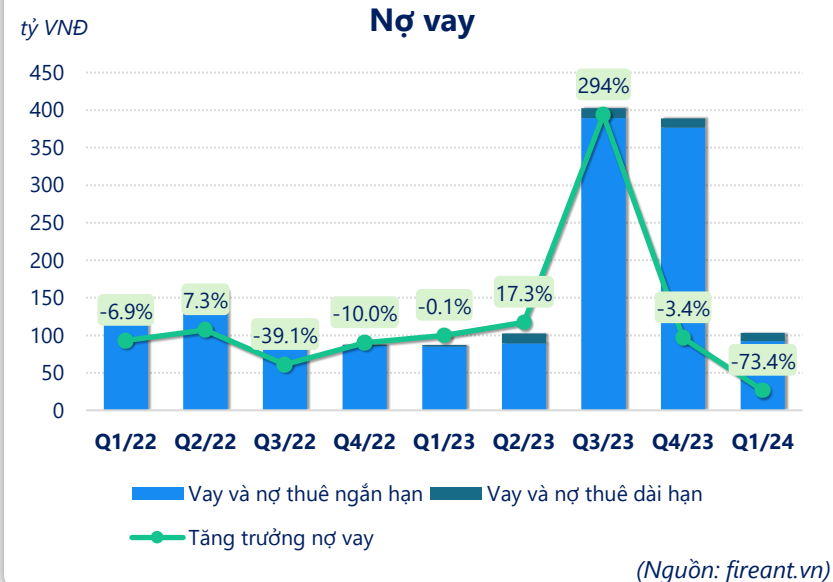
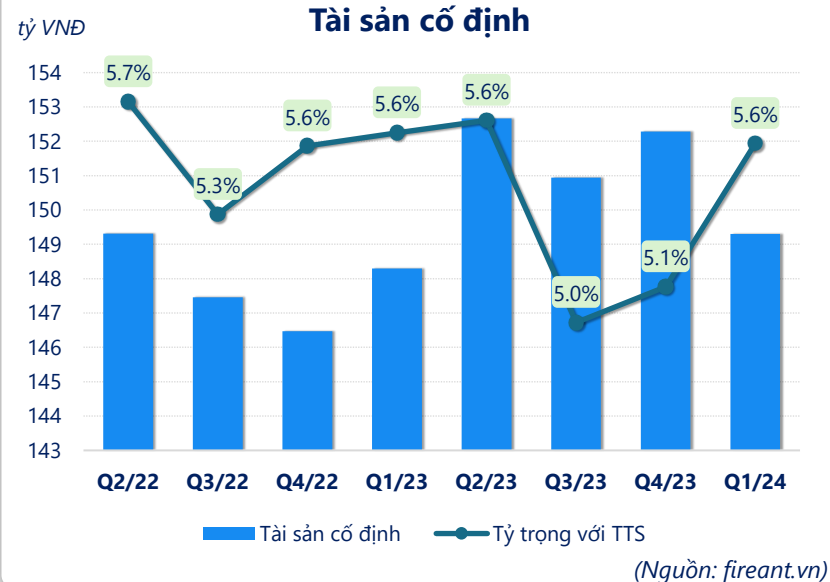
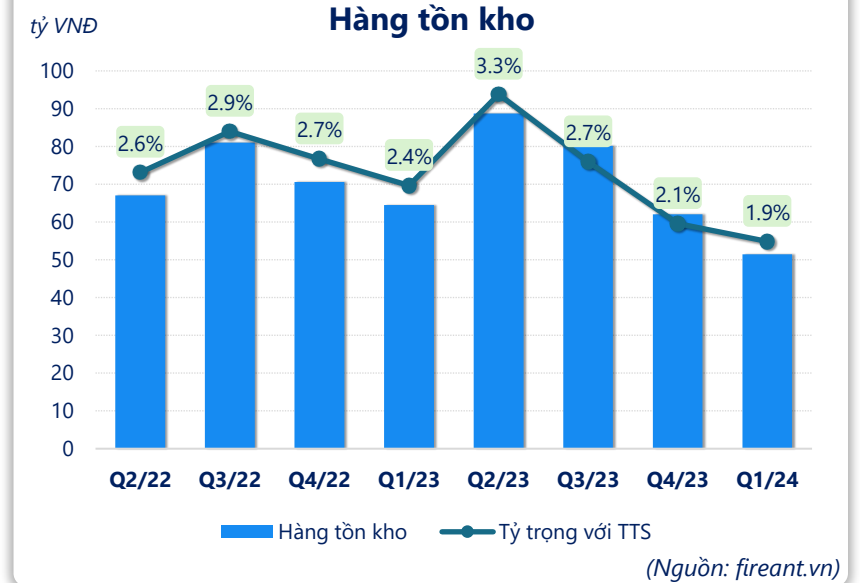
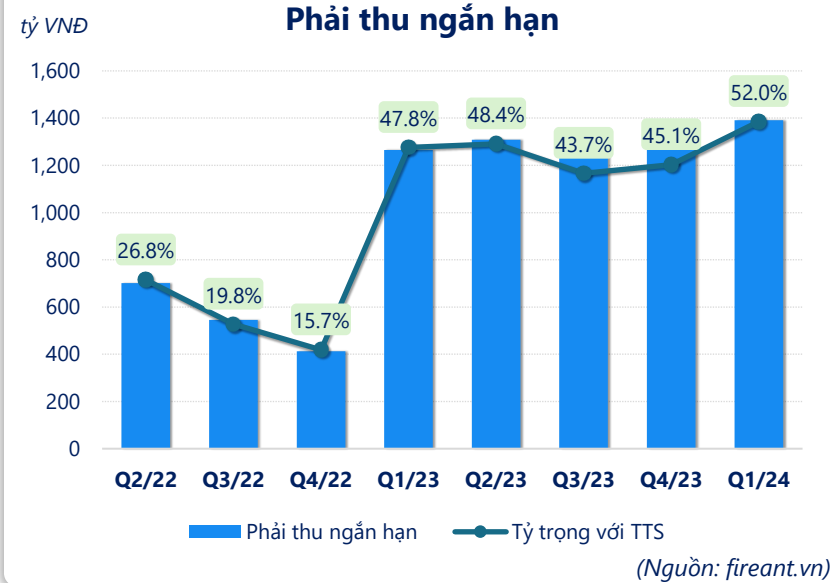
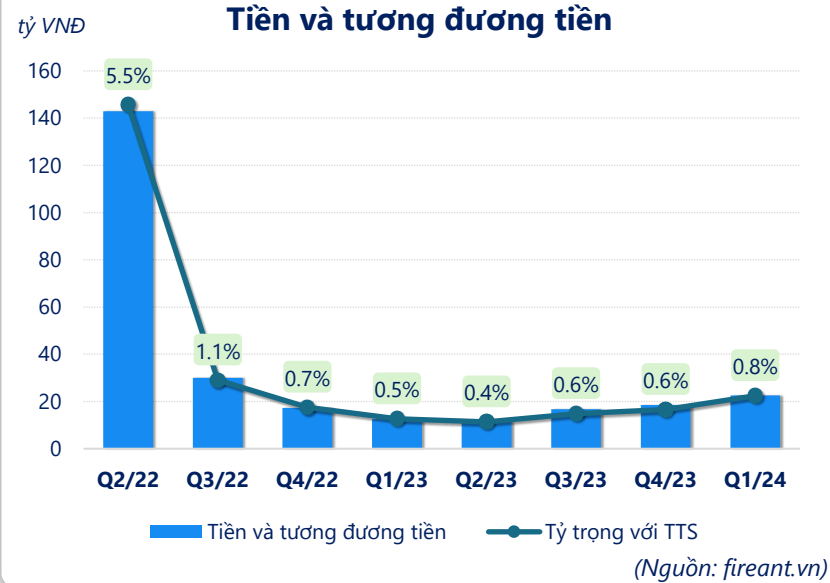
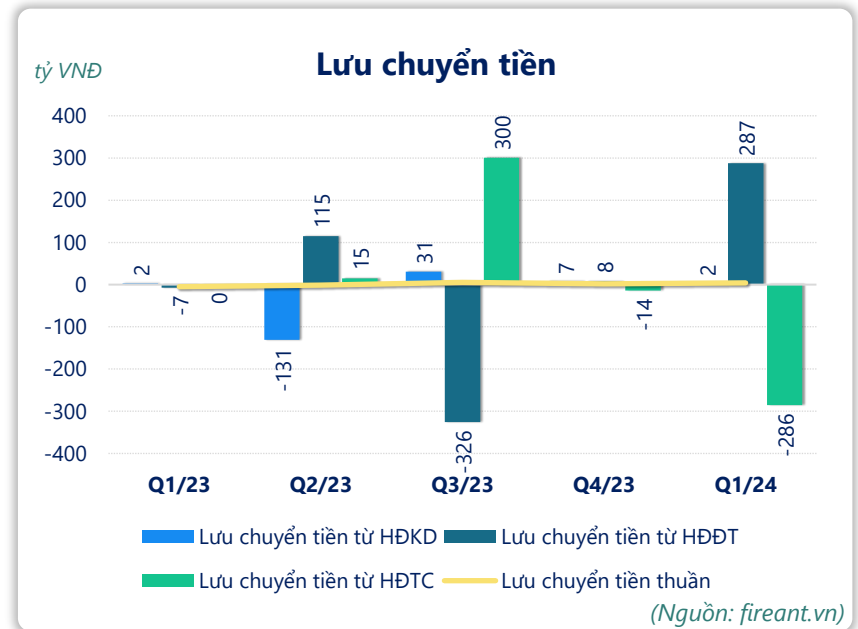
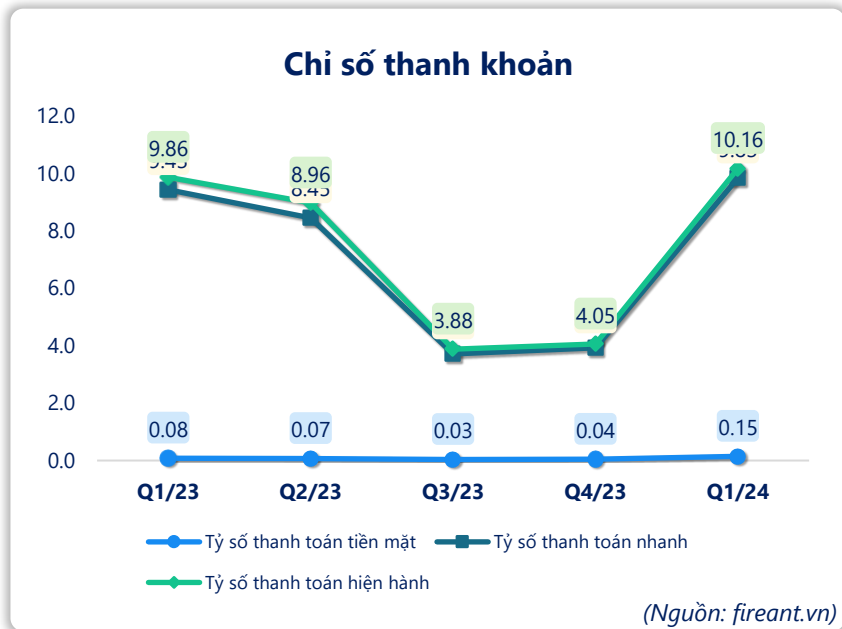
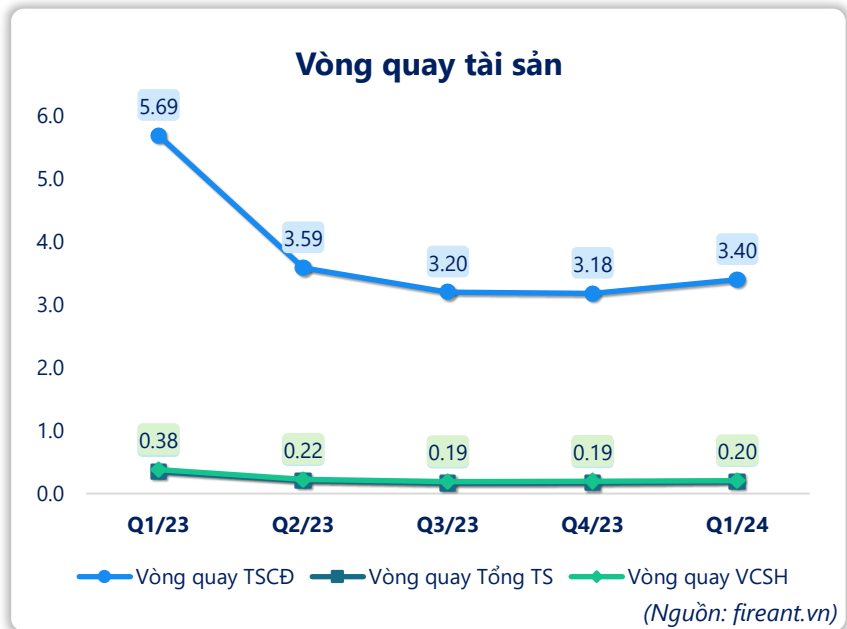
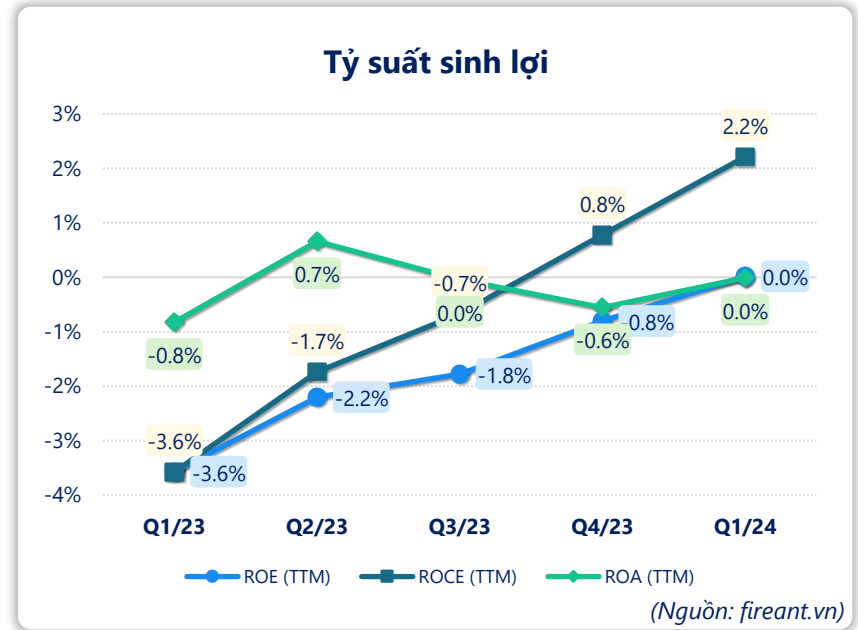
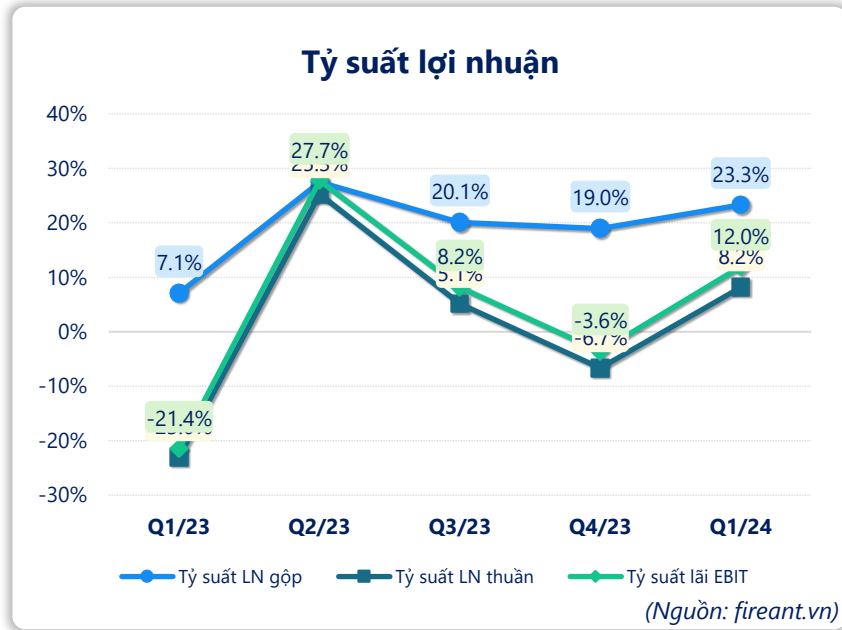
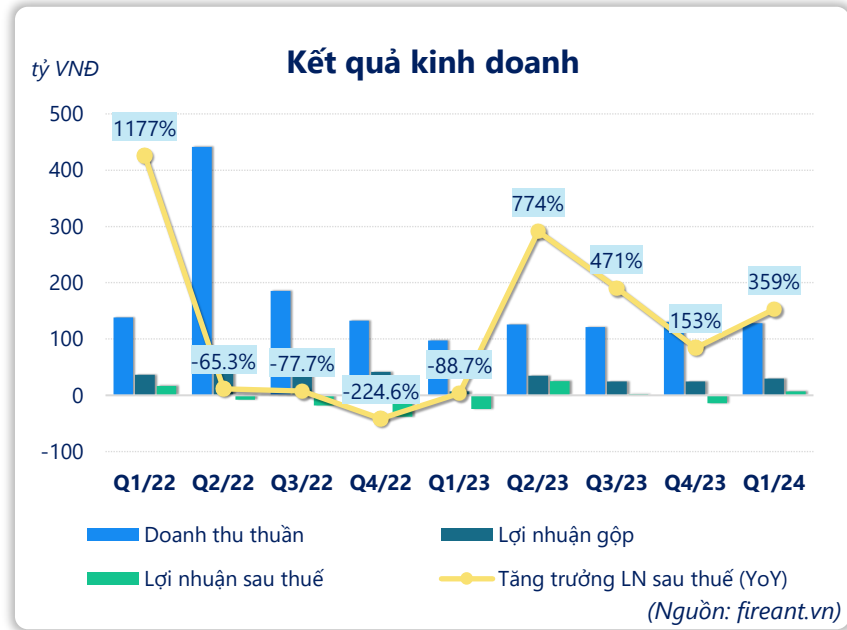


Thông tin giao dịch		31/03/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		3,590
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		6,390
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		3,250
SL cổ phiếu LH		196,858,925
KLGD BQ 20 phiên (CP)		774,415
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		707
P/E		1691.8
EPS		2

	YTD	1T	3T	6T
TSC	-7.9%	-3.5%	-3.2%	-12.4%
VNINDEX	13.5%	1.8%	14.4%	11.3%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	2,678	2,975	-10.0%
Tài sản ngắn hạn	1,581	1,851	-14.6%
Tiền và tương đương tiền	22.6	18.5	22.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	95.9	405	-76.3%
Phải thu ngắn hạn	1,391	1,342	3.7%
Hàng tồn kho	51.4	62.0	-17.1%
Tài sản ngắn hạn khác	19.7	23.4	-15.8%
Tài sản dài hạn	1,097	1,124	-2.4%
Phải thu dài hạn	0.02	0.02	26.0%
Tài sản cố định	149	152	-2.0%
Bất động sản đầu tư	71.3	71.3	0.0%
Tài sản dở dang	17.3	21.5	-19.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	365	368	-0.6%
Tài sản dài hạn khác	42.0	43.5	-3.6%
Lợi thế thương mại	452	468	-3.4%
Nợ phải trả	185	488	-62.1%
Nợ ngắn hạn	156	457	-65.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	92.0	377	-75.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	23.6	32.5	-27.2%
Nợ dài hạn	29.5	31.7	-6.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	11.3	12.2	-7.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	2,493	2,486	0.3%
Vốn chủ sở hữu	2,493	2,486	0.3%
Vốn điều lệ	1,969	1,969	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Doanh thu thuần	97.6	126	121	130	128
Giá vốn hàng bán	90.7	91.2	97.0	105	98.4
Lợi nhuận gộp	6.93	34.6	24.4	24.7	29.9
Doanh thu HĐTC	11.5	23.9	23.8	16.9	18.9
Chi phí TC	1.91	2.03	3.49	5.52	3.46
Chi phí lãi vay	1.51	1.71	3.48	5.10	3.26
LN trong công ty LKLD	-3.35	-2.91	-2.84	-3.51	-2.29
Chi phí bán hàng	9.98	10.1	9.91	10.8	7.13
Chi phí QLDN	25.7	11.6	25.8	30.5	25.4
LN thuần từ HĐKD	-22.5	31.8	6.22	-8.69	10.5
Lợi nhuận khác	0.03	1.41	0.21	-1.09	1.61
LN trước thuế	-22.4	33.2	6.43	-9.78	12.1
Lợi nhuận sau thuế	-24.3	25.4	1.78	-14.1	6.81
LNST của CĐ cty mẹ	-20.3	17.5	-1.34	-15.5	-0.25

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	2.47	-131	30.7	7.39	2.26
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-7.23	115	-326	8.12	287
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.05	15.1	300	-13.8	-286
Tiền đầu kỳ	17.3	12.5	11.5	16.8	18.5
Lưu chuyển tiền thuần	-4.81	-1.02	5.26	1.72	4.08
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.00	-0.01	0.01
Tiền cuối kỳ	12.5	11.5	16.8	18.5	22.6

(Nguồn: fireant.vn)